

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS - ST
Ngày: 28/4/2023
*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Luận

Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn H; địa chỉ: ấp Phước Thành, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Như M; địa chỉ: ấp Phước Thành, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày:

Giữa chị Trịnh Thị L và ông Trần Văn H có thực hiện việc mua bán tôm nguyên liệu nhiều năm đến năm 2017 thì chấm dứt việc mua bán, khi đó ông H có nợ lại chị số tiền là 435.000.000 đồng. Sau đó ông Trần Văn H có trả cho chị được số tiền 50.000.000 đồng và 02 chiếc vỏ máy để cân trừ nợ trên nên đến ngày 19/02/2018 thì ông H ký vào “Đơn cam kết” còn thiếu lại chị L số tiền 300.000.000 đồng và đồng ý trả lại chị số tiền trên trong năm 2019.

Mặt khác, trong năm 2019 do ông H cũng nhiều lần nan nỉ chị tiếp tục bán tôm cho ông H để ông H có tiền xoay sở trả số tiền còn thiếu đối với chị nên chị cũng đồng ý và tiếp tục bán tôm cho ông H, khi đó ông H lại tiếp tục thiếu chị số tiền 81.000.000 đồng. Tổng cộng sau hai đợt mua bán tôm với ông H thì ông H còn thiếu lại chị số tiền là 381.000.000 đồng. Ông H có vợ tên là Đào Như M, do số tiền trên ông H thực hiện việc mua bán trong thời kỳ hôn nhân đối với bà M do đó chị Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn H có trách nhiệm trả cho chị L số tiền còn thiếu là 381.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Trần Văn H trình bày:

Không thống nhất với số tiền mà chị Trịnh Thị L khởi kiện đối với ông. Ông H đồng ý còn thiếu chị L số tiền là 381.000.000 đồng, tuy nhiên chị L có lấy 02 cái vỏ máy của ông nên ông chỉ còn nợ lại chị L số tiền là 300.000.000 đồng và đồng ý trả lại chị L số tiền trên. Đối với việc chị L yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên tôi không đồng ý do hai bên không có thỏa thuận lãi suất gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Như M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L. Buộc anh H, bà M trả cho bà Lg 381.000.000 đồng và lãi suất 126.682.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trịnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn H, bà Đào Như M trả số nợ tiền mua tôm nguyên liệu còn thiếu là 381.000.0000 đồng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn H có nơi cư trú tại xã PL, huyện PL. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Như M đã được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà M là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị L về việc yêu cầu ông Trần Văn H, bà Đào Như M trả số tiền mua tôm nguyên liệu còn thiếu là 381.000.000 đồng. Thấy rằng:

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L xác định vợ chồng ông H còn nợ lại chị số tiền mua bán tôm 381.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông H trả cho chị số tiền trên. Ông H xác định có nợ chị L số tiền trên nhưng đã căn trừ hai chiếc vỏ máy bằng số tiền 81.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại chị L số tiền 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa thì ông H xác định số tiền 81.000.000 đồng thì có thiếu nhưng đã trả xong nhiều lần bằng tiền

[4.2] Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì chị L đã cung cấp “*Giấy cam kết*” có chữ ký của ông H và ông H cũng thừa nhận còn thiếu số tiền trên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được quy định nêu trên thì “*Giấy cam kết*” đề ngày 19/02/2018 là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định pháp luật. Đối với số tiền 81.000.000 đồng ông H thừa nhận có thiếu nhưng xác định đã trả xong nhưng ông H không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, trong khi chị L không thừa nhận. Do đó có cơ sở xác định ông Hậu còn thiếu chị L 381.000.000 đồng tiền mua bán tôm.

[4.3] Về trách nhiệm trả số tiền còn thiếu: Việc ông Hậu thực hiện việc mua bán tôm với chị Lấn là trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Hậu và bà Mộng, và ông Hậu cũng xác định mục đích việc mua bán là để phục vụ cuộc sống chung trong gia đình nên ông Hậu và bà Mộng phải cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Mộng và ông Hậu có trách nhiệm cùng trả số tiền còn thiếu cho chị Trịnh Thị Lấn là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ nhận định ở các mục [4.1], [4.2] và [4.3], Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị L, buộc ông H, bà M trả số tiền còn thiếu 381.000.000 đồng cho chị L.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật số tiền còn thiếu tính từ ngày 01/01/2020 đến khi giải quyết vụ án.

Xét thấy khi hai bên chấm dứt việc mua bán là trong năm 2019 và có căn cứ xác định vợ chồng ông H còn nợ lại số tiền 381.000.000 đồng nên việc chị Trịnh Thị L yêu cầu tính lãi phát sinh do bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và thời gian tính từ ngày 01/01/2020 là có căn cứ chấp nhận

Khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Trường hợp bên mua không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả thêm lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự*”.

Điều 357 Bộ luật dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ

trả tiền

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Đối chiếu với quy định trên, tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 28/04/2023 là: 3 năm 3 tháng 27 ngày x 10%/năm x 381.000.000 đồng = 126.682.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông H trả nợ với số tiền 507.682.000 đồng. Xét ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Ông H, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của chị L Tòa án chấp nhận, số tiền án phí là 24.307.300 đồng; Chị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357; Điều 440 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị L đối với ông Trần Văn H, bà Đào Như M.

2. Buộc ông Trần Văn H, bà Đào Như M có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị L số tiền nợ gốc là 381.000.000 đồng và nợ lãi 126.682.000 đồng. Tổng số tiền là 507.682.000 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trần Văn H, bà Đào như M phải chịu án phí 24.307.300 đồng; Chị Trịnh Thị L không phải chịu án phí, chị Trịnh Thị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 9.525.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005705 đồng ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm